

CHÊ ĐỘ PHONG KIẾN VIỆT NAM VỚI Ý NGHĨA LÀ MỘT VƯƠNG TRIỀU ĐỘC LẬP ĐÃ SỤP ĐỔ HOÀN TOÀN BẰNG VIỆC TRIỀU NGUYỄN KÝ HIỆP ƯỚC PATENOTRE NGÀY 6/6/1884. TUY ĐỀN THỜI ĐIỂM NÀY “NƯỚC VIỆT NAM ĐÃ TRỌN VẸN TRỞ THÀNH THUỘC ĐỊA CỦA TƯ BẢN PHÁP”, NHƯNG VỚI TƯ CÁCH LÀ NƯỚC BẢO HỘ ĐẠI DIỆN CHO VIỆT NAM VỀ ĐỐI NGOẠI, CỘNG HÒA PHÁP TIẾP TỤC KHẮNG ĐỊNH, QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM TẠI HAI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA TRONG THỜI KỲ PHÁP THUỘC (1884 – 1945).

Ngày 26/6/1887, Pháp và Trung Quốc ký Công ước hoạch định biên giới giữa Bắc Kỳ với Trung Quốc. Theo đó, hai bên “đã đồng ý là các điểm tranh chấp nằm ở phía Đông và Đông Bắc Móng Cái, phía bên kia đường biên giới như đã được ủy ban hoạch định ấn định, được quy thuộc cho Trung Quốc. Những hòn đảo nằm về phía Đông của kinh tuyến Paris 105°43’ Đông, nghĩa là của đường thẳng Bắc - Nam đi qua mũi phía Đông của đảo Trà Cổ hay Owanchan và tạo thành biên giới cũng thuộc



Thủ tướng Đức Angela Merkel tặng Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình tấm bản đồ cổ khi ông thăm Đức tháng 4 -2014, trong đó, Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam không hề có trong tấm bản đồ này.
Ảnh: T.L

CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM TẠI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA THỜI PHÁP THUỘC (1884 - 1945)

✍ ĐẶNG HOÀNG SANG

về Trung Quốc. Các đảo Cô Tô và các đảo khác ở phía Tây kinh tuyến này thuộc về An Nam¹². Như vậy, nội dung Công ước này hoàn toàn không đề cập đến hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vì trong thực tế vấn đề tranh chấp về chủ quyền chưa từng được đặt ra.

Sau khi chinh phục và đô hộ ba nước Đông Dương, thực dân Pháp đã tăng cường sự chú ý đến vùng Biển Đông bằng cách tổ chức những cuộc thăm dò, thám sát khoa học ở đây. Đến năm 1894, sở Hải đồ hải quân Pháp đã cho xuất bản 2 tập sách chỉ dẫn hàng hải, nhan đề *Instructions nautiques sur les Mers de Chine* (Paris, 1894), trong đó từ trang 72 đến trang 83 có những chi tiết chỉ dẫn về quần đảo Hoàng Sa mà các tác giả cho là ở “ven con đường biển khơi”. Theo đó, lúc này người ta đã phân biệt hai nhóm đảo chính Croissant và Amphitrite, các bãi đá Récif Discovery, Vuladore, Bombay, rồi các khu đá ngầm

Récif du nord (Bắc), đảo Lincoln (Đông) và đảo Triton (Tây Nam)¹³.

Năm 1892, hai tàu Egeria và Penquin đã đến thám hiểm tại khu vực Biển Đông. Tàu Egeria thám hiểm vào các tháng 3, 5, 6 và 7/1892 để trắc định độ sâu tối đa của Biển Đông là 4000 m ở phía Đông quần đảo Paracels. Tàu Penquin thám hiểm vào tháng 4 và 5/1892 để trắc định độ sâu tối đa của Biển Đông là 3900 m tại phía Nam quần đảo Paracels. Những cuộc thám sát khoa học của hai tàu này tại Biển Đông không vấp phải sự phản ứng nào của triều Thanh. Đến năm 1893, một chiếc tàu Đức tới thám sát khoa học tại quần đảo Trường Sa, triều Thanh đã lên tiếng kháng nghị. Tuy nhiên, đây là một kháng nghị vô căn cứ vì quần đảo Trường Sa theo phương diện pháp lý quốc tế đã đặt dưới sự bảo hộ của nước Pháp theo Hiệp ước Patenotre. Chính phủ Anh đã không đưa ra một yêu sách nào về quần đảo này và mặc nhiên công nhận

quần đảo Trường Sa thuộc quyền bảo hộ của nước Pháp⁽⁴⁾.

Năm 1895 – 1896, đã xảy ra vụ tàu bị đắm ở quần đảo Hoàng Sa, đó là tàu Bellona (1895) và tàu Imoji của Nhật Bản (1896). Hai tàu hơi nước này chở kim loại đồng, được Công ty Anh bảo hiểm. Nhiều ngư dân Trung Quốc đã cướp hàng hóa trên tàu và dùng thuyền buồm để vận chuyển những hàng hóa cướp được đến đảo Hải Nam để bán lại cho các chủ tàu thuyền khác. Công ty bảo hiểm Anh lên án những người phải chịu trách nhiệm và hối thúc đại diện nước Anh tại Bắc Kinh và lãnh sự Anh tại Hải Khẩu có hành động phản đối. Tổng đốc Lương Quảng tìm mọi cách chối bỏ mọi trách nhiệm khi tuyên bố *“quần đảo Hoàng Sa là những hòn đảo bị bỏ rơi, chúng không phải là sở hữu của cả Trung Quốc... cũng không sáp nhập về hành chính vào bất kỳ quận nào của Hải Nam, và không có nhà chức trách nào chịu trách nhiệm về cảnh sát của chúng”*⁽⁵⁾.

Năm 1899, Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer đã ra lệnh xây một hải đăng trên quần đảo Hoàng Sa để khẳng định chủ quyền của nước Pháp nhằm ngăn cản các cường quốc khác có những hành động xâm hại trên các đảo ở đây. Việc nghiên cứu do các cơ quan kỹ thuật của chính quyền thuộc địa tiến hành, nhưng cuối cùng công việc đã không được thực hiện vì không có đủ ngân sách xây dựng.

Năm 1907, Trung Quốc bắt đầu quan tâm đến việc xâm phạm hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam. Chính quyền Quảng Đông đã đặt tên Đông Sa cho quần đảo Pratas (Trường Sa), sau đó là Tây Sa cho quần đảo Paracels (Hoàng Sa).

Tháng 4/1909, một phái đoàn của Trung Quốc đã ra quần đảo Hoàng Sa để thám sát và phát hiện nguồn phosphate phong phú có thể khai thác được. Trong Báo cáo số 92, ngày 4/5/1909 của Lãnh sự quán Pháp ở Quảng Châu (Trung Quốc) Beauvais gửi Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Pháp ở Paris cho biết: *“Chính phủ Trung Quốc chú ý đến các nhóm đảo khác nhau nằm dọc theo bờ biển của Thiên triều nhất là quần đảo Hoàng Sa”*⁽⁶⁾.

Ngày 6/6/1909, Phó vương Tổng đốc Lương Quảng đã phái hai tàu chiến nhỏ do Thủy sư Đô đốc Lý Chuẩn chỉ huy tới Hoàng Sa, rồi long trọng kéo cờ Trung Quốc trên hai hòn đảo quan trọng nhất, đồng thời bắn 21 phát đại bác chào mừng để khẳng định quyền sở hữu đối với toàn bộ các đảo ở Hoàng Sa. Cuộc đổ bộ lên đảo Hoàng Sa của phái đoàn Trung Quốc diễn ra rất nhanh chóng chỉ trong vòng 24 giờ. Nước bảo hộ Pháp biết tin, nhưng chọn thái độ im lặng trước hành động

Trung Quốc vi phạm chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam, vì cho rằng *“tốt hơn là nhắm mắt làm ngơ trước các sự việc hiện nay vì một sự can thiệp của chúng ta có thể làm phát sinh trong lòng dân chúng một phong trào sôi sục mới có hại cho chúng ta hơn lợi ích mà việc chiếm hữu các đảo Hoàng Sa đem lại”*⁽⁷⁾.

Tiếp theo, ngày 30/3/1921, Ban Đốc chính chính quyền quân sự miền Nam Trung Quốc đã quyết định sáp nhập về mặt hành chính quần đảo Hoàng Sa vào huyện Nhai (đảo Hải Nam). Trước hành động vi phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam, Pháp vẫn im lặng; mặc dù trước đó, thực dân Pháp đã có những hành động bắt đầu quan tâm đến quần đảo Hoàng Sa⁽⁸⁾.

Tuy chỉ là bù nhìn trong tay người Pháp, nhưng với ý chí *“Biển Đông vạn dặm đang tay giữ”* mà Nguyễn Bình Khiêm đã để lại cho con cháu đời sau, chính quyền Nam triều mỗi khi có cơ hội cũng tìm cách thể hiện trách nhiệm và quyết tâm đòi lại chủ quyền đã mất. Sách *Đại Nam nhất thống chí* do Quốc sử quán triều Nguyễn tổ chức biên soạn, hoàn thành và khắc in vào năm Duy Tân thứ 3 (1909), ghi chép về địa lý tự nhiên, di tích danh thắng, phong tục tập quán, nhân vật, thổ sản,... của các tỉnh Trung Kỳ, từ Thanh Hóa đến Bình Thuận. Quyển 8 của bộ sách này viết về tỉnh Quảng Ngãi, có miêu tả về quần đảo Hoàng Sa, hoạt động khai thác nguồn lợi quần đảo này do đội Hoàng Sa đảm trách dưới thời các chúa Nguyễn và sự kiện vua Minh Mệnh sai quan thuyền chở vật liệu ra xây đền miếu ở Hoàng Sa⁹.

Đặc biệt, vào ngày 3/3/1925, nguyên Binh bộ Thượng thư triều đình Khải Định Thân Trọng Huề đã viết thư cho Khâm sứ Trung Kỳ khẳng định một cách kiên quyết rằng: *“Các đảo nhỏ đó [là quần đảo Paracels hay Hoàng Sa] bao giờ cũng là sở hữu của nước An Nam, không có sự tranh cãi về vấn đề này”*⁽¹⁰⁾. Tuyên bố rõ ràng và danh thép trên có thể được coi như một đòn đánh mạnh vào trách nhiệm và lương tri của các quan chức thực dân Pháp. Tuy thế phải đợi đến bốn năm sau thì câu chuyện về lịch sử chủ quyền của An Nam ở Hoàng Sa mới thật sự được ngã ngũ. Ngày 8/3/1925, Toàn quyền Đông Dương Varenne tuyên bố khẳng định quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ của nước Pháp.

Từ năm 1927 – 1929, trong các văn thư ngoại giao, báo cáo quân sự của Chính quyền Pháp ở Đông Dương cho thấy, để bảo vệ chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, một mặt người Pháp tiến hành một số hoạt động khảo sát, nghiên cứu ở quần đảo Hoàng

Sa bất chấp việc Trung Quốc đã sáp nhập nó vào đảo Hải Nam. Mặt khác, người Pháp tập trung nghiên cứu các tài liệu về việc các triều đại phong kiến Việt Nam xưa, nhất là triều Nguyễn đã xác định chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Điều đó đã làm cho chính quyền Pháp tự tin hơn và quyết tâm bảo vệ chủ quyền hợp pháp của họ đối với hai quần đảo này.

Không những thế, tháng 11/1928, Thống đốc Nam Kỳ cấp giấy phép nghiên cứu mỏ ở quần đảo Trường Sa cho Công ty Phosphate mới của Bắc Kỳ để tiến hành các hoạt động khai thác ở đây⁽¹¹⁾.

Từ năm 1930 đến trước Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (1939), tiếp tục có những tranh biện về chủ quyền giữa Cộng hòa Pháp, cùng với đó là Vương quốc An Nam với Trung Hoa Dân Quốc. Trong đó, đáng chú ý có các sự kiện như:

(1) Ngày 23/9/1930, Pháp gửi thông báo ngoại giao cho các cường quốc về việc Pháp đã chiếm đóng quần đảo Trường Sa;

(2) Ngày 11/1/1931, Thống sứ Nam Kỳ thông báo cho Toàn quyền Đông Dương về việc sáp nhập các đảo và các đảo phụ cận đảo Trường Sa vào tỉnh Bà Rịa.

(3) Ngày 4/1/1932, Chính phủ Pháp gửi Công hàm tới Công sứ quán Trung Quốc tại Paris khẳng định chủ quyền của Pháp đối với Hoàng Sa và đề nghị giải

quyết tranh chấp thông qua đàm phán hữu nghị hoặc bằng phương thức Trọng tài quốc tế. Công hàm ngày 4/1/1932 của Trung Quốc trả lời Công hàm của Pháp đã khước từ đề nghị giải quyết tranh chấp chủ quyền Hoàng Sa bằng phương thức Trọng tài quốc tế.

(4) Ngày 21/12/1933, Thống đốc Nam Kỳ J.Krautheimer ký Nghị định số 4762-CP sáp nhập quần đảo Hoàng Sa vào tỉnh Bà Rịa.

(5) Ngày 30/3/1938, vua Bảo Đại ký dụ số 10 sáp nhập Hoàng Sa vào tỉnh Thừa Thiên thay vì Nam Ngãi trước đây.

(6) Tháng 6/1938, một đơn vị lính bảo an Việt Nam được phái ra đồn trú tại quần đảo Hoàng Sa. Một bia chủ quyền được dựng trên đảo Hoàng Sa với dòng chữ: *"République Française – Royaume d'Annam – Archipel de Paracel 1816 – Ile de Pattle 1938"*⁽¹²⁾.

Thực tế lịch sử chứng minh, Cộng hòa Pháp, theo đó là Vương quốc An Nam đã có những hành động chiếm hữu thật sự và thực thi chủ quyền theo đúng nguyên tắc đặc thù lãnh thổ của luật pháp quốc tế trên cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Còn Trung Hoa Dân Quốc tuy có tuyên bố chủ quyền ở Biển Đông, nhưng không đưa ra được một tư liệu lịch sử nào có thể chứng minh cho chủ quyền của họ.

Trong Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945), Nhật Bản đã chiếm đóng hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Trước đó, năm 1938, Nhật Bản cho quân đánh chiếm ba đảo tại quần đảo Hoàng Sa là Phú Lâm, Lincoln và Hữu Nhật (Robert). Để khẳng định chủ quyền, Nhật Bản đã đổi tên quần đảo Hoàng Sa thành *Hirata Gumto*. Đáp trả hành động trên, tháng 3/1938, tàu hộ tống *Marne* của Pháp được điều tới quần đảo Hoàng Sa và cắm nhiều cột mốc khẳng định chủ quyền. Ngay sau đó, chính quyền Pháp ở Đông Dương đã triển khai hàng loạt các hoạt động nhằm khẳng định chủ quyền thực sự của mình đối với quần đảo Hoàng Sa.

Ngày 30/3/1939, Chính phủ Nhật Bản đã quyết định đặt quần đảo Trường Sa (Spratly Islands) [cả quần đảo Hoàng Sa] dưới sự kiểm soát của Nhật Bản. Ngày 31/3, Ngoại trưởng Nhật Bản M.Sawada đã ra thông báo quyết định của Chính phủ Nhật Bản, trong đó khẳng định, Nhật Bản *"là người đầu tiên cho tàu ra thăm dò ở Trường Sa năm 1917 và từ đó đến nay thì quần đảo này vẫn trong tình trạng vô chủ"*⁽¹³⁾. Đến ngày 19-8-1939, Bộ Ngoại giao Nhật Bản tuyên bố quyết định đặt quần đảo Trường Sa dưới tên gọi *Shinan Gunto*, trực thuộc đảo Đào Loan.

Trước hành động đó, Ngày 4/4/1939, Pháp đã phản kháng Nhật Bản đặt một số đảo trong quần đảo Trường



Dụ số 10 ngày 30-3-1938 của vua Bảo Đại



Bia chủ quyền Hoàng Sa của Việt Nam thời Pháp thuộc dựng năm 1938 tại đảo Hoàng Sa, khải định chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa.
Ảnh: T.L

Sa thuộc quyền tài phán của Nhật. Tuy nhiên, đây chỉ là phản ứng yếu ớt mang tính ngoại giao của Pháp, chứ chưa có hành động mạnh mẽ để bảo vệ chủ quyền thực sự của Việt Nam.

Sau một thời gian chiếm đóng hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và tham chiến ở chiến trường Thái Bình Dương, quân đội Nhật Bản liên tiếp thất bại trước phe Đồng Minh. Ngày 14/8/1945, Hội đồng Chiến tranh tối cao và Nội các Nhật Bản thông qua kế hoạch đầu hàng không điều kiện phe Đồng minh. Ngày 15/8/1945, Đài phát thanh Nhật Bản truyền đi sắc lệnh của Nhật hoàng về việc chấp nhận các điều kiện đầu hàng phe Đồng minh. Sau tháng 9/1945, quân đội Nhật Bản đã rút khỏi hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và chính thức chấm dứt hoàn toàn sự hiện diện của quốc gia này từ đầu thế kỷ XX. Tuy nhiên, trên thực tế quân Nhật vẫn duy trì sự chiếm đóng của mình trên quần đảo Hoàng Sa cho đến năm 1946.

Nói tóm lại, “dành rằng trong thời kỳ 1884 - 1945, về thực tế nước ta không có đầy đủ chủ quyền về lãnh thổ quốc gia như trước nữa nhưng về phương diện quốc tế công pháp không sao phủ nhận được hiệu lực pháp lý của hiệp định Việt Pháp năm 1884 đối với sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam và đặc biệt là đối với chủ quyền Việt Nam trên hai quần đảo Trường Sa Hoàng Sa”⁽¹⁴⁾. Theo đó, với tư cách đại diện cho Việt Nam về đối ngoại, Cộng hòa Pháp đã có những hành động cụ thể để tiếp tục củng cố, khẳng định và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trong suốt thời Pháp thuộc, mặc dù trong đó cũng có những toan tính và thái độ

im lặng mang tính thăm dò cho những hành động tiếp theo của chính quốc Pháp.

Đ.H.S

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Đinh Xuân Lâm (Chủ biên) (2000), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Tập 2, Nxb. Giáo dục Hà Nội.
2. Đỗ Bang (Chủ biên) (2017), *Chủ quyền biển đảo Việt Nam trong lịch sử*, Nxb. Văn hóa Văn nghệ, TP. Hồ Chí Minh.
3. Hân Nguyễn Nguyễn Nhã (2013), *Những bằng chứng về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
4. Lãng Hồ (1975), “Trường Sa và Hoàng Sa, lãnh thổ Việt Nam”, Tạp san Sử Địa, số 29, Sài Gòn.
5. Monique Chemillier – Gendreau (2011), *Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Nguyễn Quang Ngọc (2017), *Chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa, Trường Sa: Tư liệu và sự thật lịch sử*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
7. Quốc sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 1, Nxb. Lao động, Hà Nội.
8. Trần Công Trục (Chủ biên) (2012), *Dấu ấn Việt Nam trên Biển Đông*, Nxb. Thông tin truyền thông, Hà Nội.

Chú thích:

- ¹ Đinh Xuân Lâm (Chủ biên) (2000), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Tập 2, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.59.
- ² Monique Chemillier – Gendreau (2011), *Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.112 – 113.
- ³ Nguyễn Quang Ngọc (2017), *Chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa, Trường Sa: Tư liệu và sự thật lịch sử*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr.256.
- ⁴ Lãng Hồ (1975), “Trường Sa và Hoàng Sa, lãnh thổ Việt Nam”, Tạp san Sử Địa, số 29, Sài Gòn, tr.99 – 100.
- ⁵ Monique Chemillier – Gendreau (2011), *Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Sdd, tr.112.
- ⁶ Monique Chemillier – Gendreau (2011), *Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Sdd, tr.241.
- ⁷ Monique Chemillier – Gendreau (2011), *Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Sdd, tr.242.
- ⁸ Năm 1920, Nha Thương chánh Pháp tổ chức những cuộc tuần du chung quanh đảo Hoàng Sa để ngăn ngừa buôn lậu.
- ⁹ Quốc sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 1, Nxb. Lao động, Hà Nội, tr.408 – 409.
- ¹⁰ Nguyễn Quang Ngọc (2017), *Chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa, Trường Sa: Tư liệu và sự thật lịch sử*, Sdd, tr.277.
- ¹¹ Hân Nguyễn Nguyễn Nhã (2013), *Những bằng chứng về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, tr.124.
- ¹² Dẫn theo Trần Công Trục (Chủ biên) (2012), *Dấu ấn Việt Nam trên Biển Đông*, Nxb. Thông tin truyền thông, Hà Nội, tr.103 – 105.
- ¹³ Dẫn theo Trần Nam Tiến (2017), “Sự hiện diện của Nhật Bản ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ đầu thế kỷ XX đến hết Chiến tranh thế giới thứ hai”. Trong Đỗ Bang (Chủ biên), *Chủ quyền biển đảo Việt Nam trong lịch sử*, Nxb. Văn hóa Văn nghệ, TP. Hồ Chí Minh, tr.300.
- ¹⁴ Lãng Hồ (1975), “Trường Sa và Hoàng Sa, lãnh thổ Việt Nam”, Tạp san Sử Địa, số 29, Sài Gòn, tr.98.